TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** TỈNH TRÀ VINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/01/2019
Về tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiên Nghiệm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

Bà Trang Thị Cẩm Nhuần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Màu, kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 và 29 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 357/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2018, về *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐST - HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1979 (có mặt);

Bị đơn: Anh Trần Văn P, sinh năm 1979 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Chánh H, Ngãi H, huyện T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/7/2018, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Vào năm 2000, chị xác lập quan hệ vợ chồng với anh Trần Văn P, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02

con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 24/9/2001 (đang sống chung với anh P) và Trần Thị Hồng T, sinh ngày 16/10/2007 (đang sống chung với chị).

Về tài sản chung gồm có:

- Diện tích đất 205,6 m^2, thửa số 245, tờ bản đồ số 16; diện tích đất 431,1 m^2, thửa số 254, tờ bản đồ số 16; diện tích đất 4.305 m^2, thửa số 434, tờ bản đồ số 2; loại đất trồng cây lâu năm; tọa lạc tại ấp Chánh Hội B, xã Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, do anh Trần Văn P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đang quản lý.

- Dụng cụ cơ khí hàn tiện gồm 01 máy khoan, 01 máy tiện, 01 máy uốn sắt, 01 máy hàn, 02 bình vó đá, 01 máy cắt sắt. Trong đó, chị quản lý 01 máy khoan, 01 máy tiện, 01 máy uốn sắt; anh P quản lý 01 máy hàn, 02 bình vó đá, 01 máy cắt sắt.

- 01 chiếc xe cuốc hiệu SUMITOMO-S160-03, hiện còn hoạt động được, do anh P quản lý.

- 01 chiếc xà lan bằng sắt tự đóng cùng với tài sản kèm theo là 01 máy đẩy xà lan hiệu DK22 của nước Trung Quốc sản xuất và 01 máy rửa xà lan hiệu Honda 5,5 mã lực, hiện còn hoạt động được, do anh P quản lý.

Về nợ chung: Không có.

Do không hợp về tính tình, bất đồng ý kiến, mâu thuẫn về kinh tế nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị với anh P đã không còn sống với nhau gần 01 năm không thể hàn gắn được.

Nay chị Trần Thị H yêu cầu:

Về hôn nhân: Cho chị được ly hôn với anh Trần Văn P.

Về con chung: Các con chung Trần Minh T và Trần Thị Hồng T có nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi; nếu chị nuôi con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

Về tài sản chung:

- Chị yêu cầu được hưởng ½ diện tích đất 205,6 m^2, thửa số 245, tờ bản đồ số 16; diện tích đất 431,1 m^2, thửa số 254, tờ bản đồ số 16; ½ diện tích đất 4.305 m^2, thửa số 434, tờ bản đồ số 2, loại đất trồng cây lâu năm; tọa lạc tại ấp Chánh Hội B, xã Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Chị thống nhất giao cho anh P được hưởng trọn bộ hàn tiện. Trong đó chị có trách nhiệm giao cho anh P 01 máy khoan, 01 máy tiện, 01 máy uốn sắt như hiện trạng, còn hoạt động được; phần còn lại 01 máy hàn, 02 bình vó đá, 01 máy cắt sắt thì anh P đang quản lý nên chị không phải giao. Chị yêu cầu anh P trả ½ giá trị bằng 12.500.000 đồng.

- Chị yêu cầu được hưởng 01 chiếc xe cuốc hiệu SUMITOMO-S160-03, hiện còn hoạt động, do anh P quản lý; 01 chiếc xà lan bằng sắt tự đóng cùng với tài sản kèm theo là 01 máy đẩy xà lan hiệu DK22 của nước Trung Quốc sản xuất và 01 máy

rửa xà lan hiệu Honda 5,5 mã lực, hiện còn hoạt động được, do anh P quản lý. Chị đồng ý trả cho anh P ½ giá trị tổng cộng bằng 250.000.000 đồng.

Chị rút phần yêu cầu chia số tiền 02 chiếc xe cuốc hoạt động 04 tháng 200.000.000 đồng và số tiền mặt 40.000.000 đồng do anh Trần Văn P quản lý.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, anh Trần Văn P trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Trần Thị H về quan hệ hôn nhân, thời gian sống chung, con chung, tài sản chung, nợ chung, về thời gian không có chung sống vợ chồng. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ anh nghe lời mẹ vợ, anh chị vợ nên không tin tưởng anh, từ đó phát sinh mâu thuẫn.

Nay anh không đồng ý ly hôn với chị Trần Thị H.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn, anh yêu cầu như sau:

Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi 02 con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 24/9/2001 và Trần Thị Hồng T, sinh ngày 16/10/2007, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Về tài sản chung:

- Đối với diện tích đất 205,6 m^2, thửa số 245, tờ bản đồ số 16; diện tích đất 431,1 m^2, thửa số 254, tờ bản đồ số 16; diện tích đất 4.305 m^2, thửa số 434, tờ bản đồ số 2, loại đất trồng cây lâu năm; tọa lạc tại ấp Chánh Hội B, xã Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Anh yêu cầu chia 03 phần bằng nhau cho anh, chị H và con chung tên Trần Minh T được hưởng. Riêng đối với diện tích đất 4.305 m^2, thửa số 434, anh yêu cầu được quản lý, sử dụng đất; anh đồng ý chia cho chị H 1/3 giá trị quyền sử dụng.

- Đối với bộ hàn tiện gồm 01 máy khoan, 01 máy tiện, 01 máy uốn sắt, 01 máy hàn, 02 bình vó đá, 01 máy cắt sắt, anh thống nhất ý kiến chị H.

- Đối với 01 chiếc xe cuốc hiệu SUMITOMO-S160-03, hiện còn hoạt động được; 01 chiếc xà lan bằng sắt tự đóng cùng với tài sản kèm theo là 01 máy đẩy xà lan hiệu DK22 của nước Trung Quốc sản xuất và 01 máy rửa xà lan hiệu Honda 5,5 mã lực, hiện còn hoạt động được, do anh quản lý. Do trước đây, tại phiên hòa giải, anh có ý định giao tài sản cho chị H hưởng nên mới có thỏa thuận giá bằng 500.000.000 đồng; nhưng nay anh xin hưởng tài sản và đưa ra giá bằng 370.000.000 đồng, anh trả cho chị H ½ giá trị bằng 185.000.000 đồng.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của

Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 và 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 33, 56, 59, 62, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

Về hôn nhân cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Trần Văn P.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 24/9/2001 cho anh Trần Văn P tiếp tục nuôi dưỡng, giao con chung tên Trần Thị Hồng T, sinh ngày 16/10/2007 cho chị Trần Thị H tiếp tục nuôi dưỡng theo như nguyện vọng của 02 cháu. Về cấp dưỡng không có yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Diện tích 205,6m^2, thửa 245, tờ bản đồ số 16, loại đất trồng cây lâu năm và diện tích đất 431,1m^2, thửa 254, tờ bản đồ số 16, loại đất trồng cây lâu năm, cùng tọa lạc ấp Chánh Hội B, xã Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, chị Trần Thị H và anh Trần Văn P mỗi người được hưởng ½ diện tích cùng với tài sản có trên đất được tính từ hướng lộ nhựa đi vào. Diện tích đất 4.305m^2, thửa 434, tờ bản đồ số 02, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Chánh Hội B, xã Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, chị Trần Thị H và anh Trần Văn P mỗi người được hưởng ½ diện tích theo hướng lộ đal kéo vào cùng với tài sản có trên đất.

Anh Trần Văn P được hưởng các tài sản gồm: 01 máy khoan, 01 máy tiện, 01 máy uốn sắt, 01 máy hàn, 02 bình vó đá, 01 máy cắt sắt tổng trị giá là 25.000.000 đồng; anh Trần Văn P có nghĩa vụ hoàn trả ½ giá trị tài sản được hưởng cho chị Trần Thị H, chị Trần Thị H phải giao lại cho anh Trần Văn P các tài sản mà chị đang quản lý và đảm bảo các thiết bị trên còn nguyên hiện trạng và hoạt động được.

Chị Trần Thị H được hưởng các tài sản gồm: 01 chiếc xe cuốc hiệu SUMITOMO-S160-03trị giá 350.000.000 đồng; 01 chiếc xà lan tự đóng và các phụ kiện kèm theo gồm máy đẩy DK22, máy rữa Honda 5,5 mã lực trị giá 150.000.000 đồng. Chị Trần Thị H có nghĩa vụ hoàn trả ½ giá trị tài sản được hưởng cho anh Trần Văn P; anh Trần Văn P phải giao lại tài sản cho chị H do hiện tại anh đang quản lý và đảm bảo các tài sản trên còn nguyên hiện trạng và hoạt động được.

Ngày 08/01/2019 chị Trần Thị H rút phần yêu cầu chia số tiền 02 chiếc xe cuốc hoạt động 04 tháng 200.000.000 đồng và số tiền mặt 40.000.000 đồng do anh Trần Văn P quản lý do đó đề nghị đình chỉ.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí và lệ phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H với anh P xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2000, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; chị H có nộp bản sao có chứng thực giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh cấp năm 2000, nên hôn nhân giữa chị H với anh P là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị H với anh P sống hạnh phúc được một thời gian dài, có được 02 con chung Trần Minh T, sinh ngày 24/9/2001 và Trần Thị Hồng T, sinh ngày 16/10/2007; tạo lập được một số tài sản chung như các đương sự đã trình bày nêu trên.

Tại phiên tòa, chị H cho rằng giữa chị với anh P có nhiều mâu thuẫn, không còn chung sống với nhau gần 01 năm nay, anh P quản lý toàn bộ toàn bộ những tài sản có giá trị, nuôi cá và làm thuê có thu nhập nhưng không quan tâm, chăm lo cho cuộc sống của chị, chị phải sống nương nhờ người thân; đồng thời anh P có những lời lẽ rất thô tục xúc phạm chị nên giữa chị với anh P không thể hàn gắn lại được. Do đó, chị vẫn quyết định xin được ly hôn với anh P.

Đối với anh P cũng thừa nhận vợ chồng anh đã không chung sống với nhau một thời gian như chị H trình bày, anh không thường xuyên tới gặp chị H để trao đổi việc hàn gắn, đoàn tụ do có mâu thuẫn với gia đình bên vợ; anh cũng thừa nhận có quản lý tài sản như chị H trình bày và thừa nhận trong lúc nóng giận có những lời lẽ thô tục đối với chị H nhưng do còn thương vợ, con nên anh không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, trong cuộc sống vợ chồng chị H với anh P chỉ vì mâu thuẫn về kinh tế nên cự cải và anh P có những lời lẽ thô tục, xúc phạm chị H nên vợ chồng anh chị không còn chung sống vợ chồng với nhau gần 01 năm nay không tự hàn gắn lại được. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, anh P có yêu cầu đoàn tụ, lẽ ra anh phải thường xuyên gặp gỡ, trao đổi, thương lượng với chị H để tháo gở, vun đắp cuộc sống vợ chồng, thể hiện thiện chí; nhưng ngược lại anh bỏ mặc, trong khi cuộc sống của chị H hiện tại đang gặp khó khăn, phải nương nhờ người thân, anh là người quản lý hầu hết tài sản chung, là nguồn sống chính của vợ chồng; chị H cũng không về sống chung với anh P từ đó đến nay. Điều đó cho thấy vợ chồng chị H, anh P đã không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau; nếu tiếp tục sống chung đã không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị H yêu cầu được ly hôn với anh P là có căn cứ để chấp nhận.

[2] Về con chung: Xét thấy Trần Minh T có nguyện vọng sống chung với anh P, Trần Thị Hồng T có nguyện vọng sống chung với chị H, nên ghi nhận nguyện vọng của các con chung; chị H với anh P không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Đối với việc anh P yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung là không phù hợp với nguyện vọng 02 con nên không chấp nhận.

[3] Về tài sản chung:

Đối với diện tích đất 4.305 m^2, thửa số 434, tờ bản đồ số 2, loại đất trồng cây lâu năm; tọa lạc tại ấp Chánh Hội B, xã Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc là do vợ chồng anh chị tạo lập, hiện đã cải tạo, đào ao nuôi cá, tạo thu nhập chính cho gia đình. Đối với diện tích đất 205,6 m^2, thửa số 245 và diện tích đất 431,1 m^2, thửa số 254, cùng tờ bản đồ số 16, loại đất trồng cây lâu năm; cùng tọa lạc tại ấp Chánh Hội B, xã Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, hiện trạng 02 thửa đất này đã nhập thành một nền đất trống. Cho nên chị H yêu cầu được hưởng ½ diện tích các thửa đất này là có căn cứ chấp nhận, tạo điều kiện để chị H có chỗ ở và làm kinh tế nuôi sống bản thân, gia đình, cũng phù hợp với sự thỏa thuận tại phiên hòa giải ngày 27/12/2018 giữa chị H với anh P. Tuy nhiên, diện tích đất mà các đương sự được hưởng thửa 434 nêu trên không thể chia đều, chỉ chia tương đối cho phù hợp hiện trạng, nên đương sự nào nhận diện tích đất nhiều hơn phải trả giá trị chênh lệch; riêng đối với thửa đất 245 và 254, các đương sự thỏa thuận giá bằng mét ngang cặp lộ nhựa, nên khi chia đều chiều ngang cặp lộ nhựa, đương sự nhận diện tích đất có chênh lệch thì không phải trả giá trị. Giữa chị H với anh P thống nhất không tranh chấp tài sản trên đất, khi Tòa án công nhận đất cho người nào thì được hưởng toàn bộ tài sản có trên đất nên không xem xét.

Từ những phân tích trên, xét thấy việc anh P yêu cầu được hưởng toàn bộ thửa đất 434 nêu trên và trả giá trị cho chị H là không có căn cứ chấp nhận. Ngoài ra, tại phiên tòa, anh P còn yêu cầu Tòa án chia cho con chung tên Trần Minh T một phần trong các thửa đất nêu trên cũng không có căn cứ chấp nhận, do Trần Minh T không có yêu cầu và anh P, chị H cũng thừa nhận Trần Minh T không có công sức đóng góp gì trong khối tài sản này.

Đối với bộ hàn tiện gồm 01 máy khoan, 01 máy tiện, 01 máy uốn sắt, 01 máy hàn, 02 bình vó đá, 01 máy cắt sắt, chị H với anh P thống nhất giao cho anh P được hưởng toàn bộ, anh P trả ½ giá trị cho chị H bằng 12.500.000 đồng nên ghi nhận. Buộc chị H phải giao cho anh P 01 máy khoan, 01 máy tiện, 01 máy uốn sắt do chị đang quản lý, chị H phải đảm bảo nguyên trạng các tài sản chị quản lý và hoạt động được (đối với 01 máy hàn, 02 bình vó đá, 01 máy cắt sắt hiện anh P đang quản lý nên chị H không phải giao).

Đối với 01 chiếc xe cuốc hiệu SUMITOMO-S160-03; 01 chiếc xà lan bằng sắt tự đóng để chở xe cuốc, diện tích ngang 3,4 m x dài 11,5 m = 39,1 m^2, cùng với tài sản kèm theo là 01 máy đẩy xà lan hiệu DK22 của nước Trung Quốc sản xuất và 01 máy rửa xà lan hiệu Honda 5,5 mã lực, hiện đang hoạt động, do anh P quản lý. Trong quá trình thỏa thuận giá ngày 27/12/2018, chị H với anh P thỏa thuận bằng 500.000.000 đồng và tại phiên hòa giải ngày 27/12/2018, anh P với chị H thỏa thuận cho chị H được hưởng toàn bộ, chị H có trách nhiệm trả cho anh P ½ giá trị tổng cộng bằng 250.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, anh P thay đổi yêu cầu, anh yêu cầu được hưởng những tài sản này, nhưng anh không đồng ý trả cho chị H ½ giá trị bằng 250.000.000 đồng; anh tự xác định lại giá trị tài sản bằng 370.000.000 đồng

và chỉ đồng ý trả cho chị H ½ giá trị bằng 185.000.000 đồng. Xét yêu cầu này của anh P không phù hợp với thỏa thuận giá ngày 27/12/2018 giữa anh với chị H, anh tự thay đổi giá không được đồng ý của chị H và sau khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nên không có chấp nhận. Do đó, xét thấy cần thiết phải giao các tài sản này cho chị H được hưởng và chị H trả ½ giá trị cho anh P là phù hợp.

[4] Đối với chị H tự nguyện rút một phần đơn khởi kiện anh P về việc yêu cầu chia số tiền 02 chiếc xe cuốc hoạt động 04 tháng bằng 200.000.000 đồng và số tiền mặt 40.000.000 đồng do anh P quản lý nên đình chỉ; đương sự có quyền khởi kiện lại nội dung yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

[5] Về nợ chung: Chị H với anh P thống nhất khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí và lệ phí: Buộc chị H và anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

[7] Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 244 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 33, 51, 56, 59, 62, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Trần Văn P.

2. Về con chung: Giao Trần Minh T, sinh ngày 24/9/2001 cho anh Trần Văn P tiếp tục nuôi dưỡng và giao Trần Thị Hồng T, sinh ngày 16/10/2007 cho chị Trần Thị H tiếp tục nuôi dưỡng; do chị H và anh P không đặt ra vấn đề yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

3. Về tài sản chung:

Công nhận cho chị Trần Thị H được hưởng:

- Diện tích đất 98,4 m^2, thửa số 245, tờ bản đồ số 16 *(phần D)*; diện tích đất 213,7 m^2, thửa số 254, tờ bản đồ số 16 *(phần A)*; diện tích đất 2.127,6 m^2, thửa số 434, tờ bản đồ số 2 *(phần E)*; loại đất trồng cây lâu năm; tọa lạc tại ấp Chánh Hội B, xã Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh và các tài sản có trên đất *(có sơ đồ khu đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tiểu Cần cung cấp đính kèm)*. Đất có vị trí và tứ cận như sau:

Diện tích đất 98,4 m^2, thửa số 245 (phần D):

Hướng Đông giáp phần còn lại thửa 245 có số đo 12,82 m;

Hướng Tây giáp thửa 244 có số đo 11,50 m;

Hướng Nam giáp đường nhựa, có số đo 8,20 m;

Hướng Bắc giáp thửa 254, có số đo 8,04 m.

Diện tích đất 213,7 m^2, thửa số 254 (phần A):

Hướng Đông giáp phần còn lại thửa 254 có số đo 27,43 m;

Hướng Tây giáp thửa 253 có số đo 26,50 m;

Hướng Nam giáp thửa 245, có số đo 8,04 m;

Hướng Bắc giáp thửa 255, có số đo 8,05 m.

Diện tích đất 2.127,6 m^2, thửa số 434 (phần E):

Hướng Đông giáp phần còn lại thửa 434 có số đo 66,08 m;

Hướng Tây giáp thửa 435 có số đo 63,57 m;

Hướng Nam giáp đường Bê tông có 02 đoạn, đoạn 01 có số đo 27,11 m, đoạn 02 có số đo 5,32 m;

Hướng Bắc giáp thửa 315, có số đo 33,30 m.

Buộc anh Trần Văn P phải giao cho chị Trần Thị H được quyền sử dụng diện tích các thửa đất được công nhận nêu trên.

- 01 chiếc xe cuốc hiệu SUMITOMO-S160-03; 01 chiếc xà lan bằng sắt tự đóng, diện tích ngang 3,4 m x dài 11,5 m = 39,1 m^2, cùng với tài sản kèm theo là 01 máy đẩy xà lan hiệu DK22 của nước Trung Quốc sản xuất và 01 máy rửa xà lan hiệu Honda 5,5 mã lực, do anh P quản lý. Buộc anh P phải giao cho chị H được quyền sử

dụng các tài sản này và phải đảm bảo giữ nguyên hiện trạng còn hoạt động được. Buộc chị H trả cho anh P ½ giá trị tổng cộng bằng 250.000.000 đồng.

Công nhận cho anh Trần Văn P được hưởng:

- Diện tích 107,2 m^2, thửa số 245, tờ bản đồ số 16 *(phần C)*; diện tích đất 217,4 m^2, thửa số 254, tờ bản đồ số 16 *(phần B)*; diện tích đất 2.177,4 m^2, thửa số 434, tờ bản đồ số 2 *(phần F)*; loại đất trồng cây lâu năm; tọa lạc tại ấp Chánh Hội B, xã Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh và các tài sản có trên đất *(có sơ đồ khu đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tiểu Cần cung cấp đính kèm)*. Đất có vị trí và tứ cận như sau:

Diện tích đất 107,2 m^2, thửa số 245 :

Hướng Đông giáp thửa 246 có số đo 14,12 m;

Hướng Tây giáp phần còn lại thửa 245 có số đo 12,82 m;

Hướng Nam giáp đường nhựa, có số đo 8,20 m;

Hướng Bắc giáp thửa 254, có số đo 7,77 m.

Diện tích đất 217,4 m^2, thửa số 254:

Hướng Đông giáp phần còn lại thửa 255 có số đo 28,37 m;

Hướng Tây giáp thửa 254 có số đo 27,43 m;

Hướng Nam giáp thửa 245, có số đo 7,77 m;

Hướng Bắc giáp thửa 255, có số đo 8,05 m.

Diện tích đất 2.127,4 m^2, thửa số 434:

Hướng Đông giáp thửa 315 có số đo 66,78 m;

Hướng Tây giáp thửa 434 có số đo 66,08 m;

Hướng Nam giáp đường Bê tông có số đo 32,30 m;

Hướng Bắc giáp thửa 315, có số đo 33,30 m.

Buộc anh Trần Văn P phải trả cho chị Trần Thị H giá trị quyền sử dụng đất diện tích 24,9 m^2, thửa 434 do anh nhận nhiều hơn chị H bằng 3.237.000 đồng (24,9 m^2 x 130.000 đồng/m^2 = 3.237.000 đồng).

- 01 bộ hàn tiện gồm 01 máy khoan, 01 máy tiện, 01 máy uốn sắt, 01 máy hàn, 02 bình vó đá, 01 máy cắt sắt. Buộc chị H có trách nhiệm giao cho anh P được quyền sử dụng 01 máy khoan, 01 máy tiện, 01 máy uốn sắt đảm bảo nguyên hiện trạng và còn hoạt động được. Buộc anh P trả ½ giá trị cho chị H bằng 12.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được

quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Đình chỉ một phần khởi kiện của chị Trần Thị H đối với anh Trần Văn P về việc yêu cầu chia số tiền 02 chiếc xe cuốc hoạt động 04 tháng bằng 200.000.000 đồng và số tiền mặt 40.000.000 đồng do anh P quản lý; đương sự có quyền khởi kiện lại nội dung yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

4. Về nợ chung: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn P khai không có nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí, lệ phí:

Buộc chị H phải chịu 38.409.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm; trong đó: Án phí hôn nhân và gia đình bằng 300.000 đồng; án phí dân sự có giá ngạch chia tài sản chung bằng 38.109.750 đồng [(thửa 245, 254 diện tích 8,2 m ngang x 40.000.000 đồng/m = 328.000.000 đồng) + (thửa 434 diện tích 2.127,6 m^2 x 130.000 đồng/m^2 = 276.588.000 đồng + 3.237.000 đồng tiền chênh lệch do anh P phải trả giá trị thửa 434 = 279.825.000 đồng) + (½ giá trị xe cuốc, xà lan, máy đẩy xà lan, máy rữa xà lan bằng 250.000.000 đồng) + (½ giá trị bộ hàn tiện bằng 12.500.000 đồng) = 870.325.000 đồng]; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 21.790.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0017875 ngày 07/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, chị Trần Thị H còn phải nộp 16.619.750 đồng.

Buộc anh Trần Văn P phải chịu 38.109.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm [(thửa 245, 254 diện tích 8,2 m ngang x 40.000.000 đồng/m = 328.000.000 đồng) + (thửa 434 diện tích 2.177,4 m^2 x 130.000 đồng/m^2 = 283.062.000 đồng - 3.237.000 đồng tiền chênh lệch do anh P phải trả giá trị thửa 434 = 279.825.000 đồng) + (½ giá trị xe cuốc, xà lan, máy đẩy xà lan, máy rữa xà lan bằng 250.000.000 đồng) + (½ giá trị bộ hàn tiện bằng 12.500.000 đồng) = 870.325.000 đồng].

Buộc chị Trần Thị H và anh Trần Văn P mỗi người phải chịu 1.600.000 đồng lệ phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do chị H đã nộp số tiền 7.000.000 đồng tạm ứng lệ phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo phiếu thu ngày 26/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần; chị H được nhận lại số tiền chênh lệch là 5.400.000 đồng (trong đó nhận 1.600.000 đồng từ số tiền mà anh P phải chịu nêu trên và nhận tại Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần 3.800.000 đồng, tổng cộng bằng 5.400.000 đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để xin xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Tiên Nghiệm